TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:162/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 3, ngày 04 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1352/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc " Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà H.T.T.V, sinh năm 1990

Địa chỉ: 98K Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 585/56 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông P.N.H, sinh năm 1979

Địa chỉ: 98K Lê lai, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 585/56 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Bà HTTV và ông P.N.H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/9/2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133/2009, quyển số I/BT của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà H.T.T.V và ông P.N.H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Bà H.T.T.V và ông P.N.H thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Giao con chung là trẻ P.N.H sinh ngày 30/8/2010 cho ông P.N.H trực tiếp giữ nuôi. Giao con chung còn lại là trẻ P.Q.Đ sinh ngày 05/4/2015 cho bà H.T.T.V trực tiếp giữ nuôi.Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H.T.T.V và ông P.N.H được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cơ quan tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung : Hai bên tự thương lượng giải quyết.

2.4 Về án phí sơ thẩm: Án phí Ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng bà H.T.T.V chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà H.T.T.V đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0007051 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3. Hoàn lại cho bà H.T.T.V 150.000 đồng theo biên lai thu trên và số tiền 28.875.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0007050 cùng ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THADS Q.3;
- UBND P.Bến Thành-Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành